

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 893 /QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) : Răng - Hàm - Mặt
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh) : Odonto - Stomalogy
3. Trình độ đào tạo : Đại học
4. Định hướng đào tạo : Nghề nghiệp
5. Mã ngành đào tạo : 7720501
6. Thời gian đào tạo : 6 năm
7. Loại hình đào tạo : Chính quy

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt có y đức; kiến thức; kỹ năng cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề trong dự phòng, điều trị các bệnh răng hàm mặt thường gặp để đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

● Kiến thức

PO.01 Trang bị cho người học nền tảng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, lâm sàng răng hàm mặt cùng năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin nhằm cập nhật tiến bộ khoa học và công nghệ trong thực hành chuyên môn.

● Kỹ năng

PO.02 Phát triển năng lực khám, chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt toàn diện, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cá nhân và cộng đồng theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm.

● Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.03 Hình thành tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đồng thời phát triển năng lực học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực răng hàm mặt.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO1	Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ và công nghệ thông tin để	III

	cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực Răng Hàm Mặt. Hiểu biết về kiến thức về giáo dục chính trị, Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.	
PI.1.1.	Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực Răng Hàm Mặt	III
PI.1.2	Vận dụng được kiến thức công nghệ thông tin để cập nhật thông tin và công nghệ mới, đáp ứng trình độ năng lực số trong lĩnh vực Răng Hàm Mặt	III
PI.1.3	Hiểu biết về kiến thức về giáo dục chính trị, Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.	II
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo, nhóm ngành	
PLO2	Vận dụng được kiến thức khoa học, kiến thức cơ bản và lâm sàng y khoa trong thực hành răng hàm mặt	III
PI.2.1	Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản trong thực hành răng hàm mặt	III
PI.2.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản và lâm sàng y khoa trong thực hành răng hàm mặt	III
1.3	Kiến thức ngành/ chuyên ngành, bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp	
PLO3	Vận dụng được kiến thức cơ bản và lâm sàng răng hàm mặt, kiến thức dự phòng và tư vấn sức khỏe răng hàm mặt trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng	III
PI.3.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản và lâm sàng răng hàm mặt trong thực hành răng hàm mặt	III
PI.3.2	Vận dụng được kiến thức dự phòng sức khỏe răng hàm mặt trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng	III
PI.3.3	Vận dụng được kiến thức tư vấn sức khỏe răng hàm mặt trong chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng	III
2	Kỹ năng	III
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề	
PLO4	Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải được thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán chính xác các bệnh lý răng hàm mặt thường gặp.	IV
PI.4.1	Thực hiện được khám lâm sàng để chẩn đoán chính xác các bệnh lý răng hàm mặt thường gặp	IV
PI.4.2	Thực hiện được diễn giải được thông tin cận lâm sàng để chẩn đoán chính xác các bệnh lý răng hàm mặt thường gặp	IV
PI.4.3	Thực hiện được tổng hợp được thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán chính xác các bệnh lý răng hàm mặt thường gặp	IV
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
PLO5	Thực hiện được lập kế hoạch điều trị, xử trí được cấp cứu ban đầu, điều trị bệnh lý răng hàm mặt toàn diện theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm	IV
PI.5.1	Thực hiện được lập kế hoạch điều trị bệnh lý răng hàm mặt toàn diện theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm	IV

PI.5.2	Thực hiện được xử trí được cấp cứu ban đầu bệnh lý răng hàm mặt theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm	IV
PI.5.3	Thực hiện được điều trị bệnh lý răng hàm mặt toàn diện theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm	IV
2.3	Kỹ năng tư duy hệ thống	
PLO6	Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng và đề xuất được kế hoạch, giải pháp phù hợp	III
PI.6.1	Xác định được những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng	III
PI.6.2	Đề xuất được kế hoạch, giải pháp phù hợp để giải quyết những vấn đề sức khỏe răng hàm mặt thường gặp trong cộng đồng	III
2.4	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO7	Giao tiếp và phối hợp hiệu quả được với đồng nghiệp, người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng trong thực hành răng hàm mặt	IV
PI.7.1	Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng trong thực hành răng hàm mặt	IV
PI.7.2	Phối hợp hiệu quả được với đồng nghiệp, người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng trong thực hành răng hàm mặt	IV
3	Tự chủ và trách nhiệm	IV
3.1	Tự chủ và trách nhiệm với cá nhân và nghề nghiệp	
PLO8	Thực hiện được tổ chức, quản lý môi trường thực hành răng hàm mặt an toàn và hiệu quả	III
PI.8.1	Tổ chức được môi trường thực hành răng hàm mặt an toàn và hiệu quả	III
PI.8.2	Quản lý được môi trường thực hành răng hàm mặt an toàn và hiệu quả	III
PLO9	Tuân thủ được đúng các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong thực hành răng hàm mặt	IV
PI.9.1	Tuân thủ đúng các quy định pháp luật trong thực hành răng hàm mặt	IV
PI.9.2	Tuân thủ đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong thực hành răng hàm mặt	IV
3.2	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
PLO10	Thể hiện được tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành răng hàm mặt	III
PI.10.1	Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong thực hành răng hàm mặt	III
PI.10.2	Phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành răng hàm mặt	III

Ghi chú: Trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia

III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng
IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

Ghi chú:

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	LT	T H
1	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	2	2	
2	Phát triển thể chất và ngoại ngữ cơ bản	101.DHF.1.00.7	Ngoại Ngữ CB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	7	
3	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	15	15	
		101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			
		101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học			
		101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			
		101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh			
		501.MD03.1.06.2	Tiếng Anh chuyên ngành 1			
		501.MD03.1.07.2	Tiếng Anh chuyên ngành 2			
4	Khoa học cơ bản	DHH-AI.01	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	9	5	4
		501.MD04.2.03.2	Xác suất - Thống kê y học			
		501.MD04.2.02.2	Lý sinh			
		501.MD04.2.04.2	Hóa học			
5	Từ phân tử đến tế bào	501.MD05.3.01.2	Sinh học tế bào	8	5	3
		501.MD05.3.02.3	Di truyền Y học			

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	LT	T H
		501.MD05.3.03. 3	Hóa sinh			
6	Cấu trúc và chức năng cơ thể người	501.MD06.3.01. 3	Giải phẫu 1	8	5	3
		501.MD06.3.02. 2	Giải phẫu 2			
		501.MD06.3.03. 3	Sinh lý			
7	Từ tế bào đến mô	501.MD07.3.03. 3	Mô phôi y học	14	9	5
		501.MD07.3.01. 3	Vi sinh y học			
		501.MD07.3.02. 2	Ký sinh trùng y học			
		501.MD07.3.05. 3	Giải phẫu bệnh Miễn Dịch học			
		501.MD07.3.04. 3	Dược lý			
8	Phát triển ngành nghề	501.MD08.3.01. 3	Tính chuyên nghiệp	3	2	1
			Chăm sóc toàn diện			
			Kỹ năng tư vấn, tham vấn			
			Lịch sử nha khoa			
9	Nội, Ngoại cơ sở và Điều dưỡng cơ bản	501.MD09.3.01. 2	Điều dưỡng cơ bản	6	3	3
		501.MD09.3.02. 2	Nội cơ sở			
		501.MD09.3.03. 2	Ngoại cơ sở			
10	Cơ sở Miệng	501.MD10.4.01. 2	Phôi thai học răng miệng	10	6	4
			Giải phẫu Đầu mặt cổ			
		501.MD10.4.02. 3	Sinh lý bệnh			
			Sinh học miệng 1			
			Vi nấm y học			
		501.MD10.4.03. 2	Giải phẫu bệnh			
			Phẫu thuật miệng đại cương TLS Phẫu thuật miệng			

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	LT	T H
		501.MD10.4.04. 3	Bệnh học miệng đại cương			
11	Nội, Ngoại bệnh lý và Chẩn đoán hình ảnh	501.MD11.4.01. 2	Nội bệnh lý	6	3	3
		501.MD11.4.02. 2	Ngoại bệnh lý			
		501.MD11.4.03. 2	Chẩn đoán hình ảnh y học			
12	Sản, Nhi	501.MD12.4.01. 2	Nhi khoa	4	2	2
		501.MD12.4.02. 2	Phụ Sản			
13	Thần kinh và Y học cổ truyền	501.MD13.4.01. 2	Thần kinh	4	2	2
		501.MD13.4.02. 2	Y học cổ truyền			
14	Y học cộng đồng	501.MD14.4.01. 3	Truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3	
			Tâm lý y học-Y đức			
			Dinh dưỡng VSATTP - Dân số học			
15	Bệnh học Răng	501.MD15.4.01. 3	Mô học mô cứng của răng	9	4	5
			Giải phẫu răng			
			TLS Vẽ và Điều khắc răng			
		501.MD15.4.02. 3	Mô phỏng chữa răng			
			TLS tạo xoang và phục hồi mô răng			
		501.MD15.4.03. 3	Bệnh học mô cứng của răng			
16	Bệnh học Nha chu	501.MD16.4.01. 4	Cấu trúc và sinh học mô nha chu	7	5	2
			Bệnh học nha chu			
			Mô phỏng điều trị nha chu			
			TLS Kiểm soát mảng bám			
		501.MD16.4.02. 3	Điều trị bệnh nha chu			

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	LT	T H
17	Cơ sở Hàm mặt	501.MD17.4.01. 4	Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa (Film ngoài miệng)	4	2	2
			Mô phỏng phẫu thuật hàm mặt			
			Hàm mặt đại cương			
18	Bệnh học Miệng	501.MD18.4.01. 3	Bệnh học miệng	7	5	2
		501.MD18.4.02. 4	Nha khoa cấy ghép			
			Bệnh học phẫu thuật miệng			
19	Bệnh học Tủy răng	501.MD19.4.01. 2	Chẩn đoán hình ảnh NK (Film trong miệng)	6	3	3
			TLS chụp phim trong miệng			
		501.MD19.4.02. 4	Cấu trúc và sinh học tủy răng			
			Mô phỏng điều trị nội nha			
			TLS nội nha			
			Bệnh học tủy răng			
20	Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô cứng	501.MD20.4.01. 2	Cơ sở phục hình cố định	6	4	2
			Phục hình cố định 1			
		501.MD20.4.02. 4	Phục hình cố định 2			
			TLS Phục hình cố định			
21	Bệnh học Cắn khớp	501.MD21.4.01. 3	Cắn khớp cơ sở	9	4	5
			TLS cắn khớp			
		501.MD21.4.02. 2	Loạn năng hệ thống nhai			
			TLS Loạn năng thai dương hàm			
		501.MD21.4.03. 4	Cơ sở chỉnh hình răng mặt			
			Bệnh học lệch lạc răng-mặt			
			TLS Chỉnh hình răng mặt			
22	Bệnh học Hàm mặt	501.MD22.4.01. 2	Bệnh học hàm mặt	6	3	3

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	LT	T H
		501.MD22.4.02. 2	Gây mê hồi sức trong RHM			
		501.MD22.4.03. 2	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật hàm mặt			
23	Bệnh học Răng trẻ em	501.MD23.4.01. 3	Giải phẫu và căn khớp răng trẻ em Bệnh học răng trẻ em	3	2	1
24	Bệnh học mất răng	501.MD24.4.01. 3	Cơ sở Phục hình tháo lắp Phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa TLS Phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa	7	4	3
		501.MD24.4.02. 4	Phục hình tháo lắp bán phần khung bộ TLS Phục hình tháo lắp bán phần khung bộ Phục hình tháo lắp toàn hàm TLS Phục hình tháo lắp toàn hàm			
25	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần	501.MD25.4.01. 3	Mắt Da liễu	5	3	2
		501.MD25.4.02. 2	TMH			
26	Nha khoa cộng đồng	501.MD26.4.01. 3	Nha khoa công cộng	6	3	3
		501.MD26.4.03. 3	Thực địa nha khoa công cộng (1 và 2)			
27	Giáo dục liên ngành	501.MD27.4.01. 2	Giáo dục liên ngành	2	1	1
28.1(Tự chọn)	Lão nha và pháp nha	501.MD28.5.01. 3	Lão nha Pháp nha	3	2	1
28.2(Tự chọn)	Răng trẻ em và nha khoa hiện đại	501.MD28.5.02. 3	Răng trẻ em Nha khoa hiện đại	3	2	1
29	Thực hành Nha khoa phục hồi tổng quát	501.MD29.4.01. 2	Lâm sàng Chữa răng-nội nha	7		7
		501.MD29.4.02. 2	Lâm sàng Nha chu			

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	LT	T H
		501.MD29.4.03. 3	Lâm sàng Phục hình (cổ định, khung bộ)			
			Lâm sàng Phục hình tháo lắp			
30	Thực hành Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật	501.MD30.4.01. 4	Lâm sàng Phẫu thuật miệng	6		6
			Lâm sàng Bệnh học miệng			
		501.MD30.4.02. 2	Lâm sàng Răng trẻ em			
			Lâm sàng Chính hình răng mặt			
31	Đề án học thuật	501.MD31.4.01. 2	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	5	1	4
		501.MD31.4.02. 3	Dự án học thuật			
32	Tốt nghiệp	501.MD32.4.01. 3	Học phần tốt nghiệp	5	3	2
		501.MD32.4.02. 2	- HP LT Bệnh lý và điều trị RHM - 3đvtc - HP TH Lâm sàng - 2đvtc			
	TỔNG CỘNG			202	11 8	84

Ghi chú: Trong 202 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học không tính vào trung bình chung học tập.

6. Cách thức đánh giá

Căn cứ Phụ lục 2 Quy định kiểm tra, đánh giá học phần ban hành kèm theo Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra

[illegible]

				Ngoại Ngữ CB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên (07 ĐVTC)	X									
3		Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	X									
			Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X									
			Y.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X									
			Y.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X									
			Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X									
			R.MD03.1.06.2	Tiếng Anh chuyên ngành 1	X									
			R.MD03.1.07.2	Tiếng Anh chuyên ngành 2	X									
4		Khoa học cơ bản	501.MD04.2.01.3	Công nghệ thông tin	X				X	X			X	X
			501.MD04.2.03.2	XS-TKYH		X	X	X					X	X
			501.MD04.2.02.2	Lý sinh		X					X			X

			501.MD04.2.04.2	Hóa học		X				X	X		X	X
5		Tư phân tử đến tế bào	501.MD05.3.01.2	Sinh học tế bào		X								
			501.MD05.3.02.3	Di truyền Y học		X		X						X
			501.MD05.3.03.3	Hóa sinh		X		X						X
6		Cấu trúc và chức năng cơ thể người	501.MD06.3.01.3	Giải phẫu 1		X	X	X	X	X	X	X	X	X
			501.MD06.3.02.2	Giải phẫu 2		X	X	X	X	X	X	X	X	X
			501.MD06.3.03.3	Sinh lý		X	X	X	X	X	X	X	X	X
7		Tư tế bào đến mô	501.MD07.3.03.3	Mô phôi y học		X	X	X		X			X	X
			501.MD07.3.01.3	Vi sinh Y học										
			501.MD07.3.02.2	KST Y học										
			501.MD07.3.05.3	Giải phẫu bệnh										
				Miễn Dịch học										

			501.MD07.3.04.3	Dược lý										
8		Phát triển ngành nghề	501.MD08.3.01.3	Tính chuyên nghiệp		X					X			X
	Chăm sóc toàn diện													
	Kỹ năng tư vấn, tham vấn													
	Lịch sử nha khoa													
9		Nội, Ngoại cơ sở và Điều dưỡng cơ bản	501.MD09.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản		X		X	X		X	X	X	X
			501.MD09.3.02.2	Nội cơ sở	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
			501.MD09.3.03.2	Ngoại cơ sở		X								
10		Cơ sở Miệng	501.MD10.4.01.2	Phôi thai học răng miệng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Giải phẫu Đầu mặt cổ													
	501.MD10.4.02.3		Sinh lý bệnh											
			Sinh học miệng 1											

				Vi nấm y học											
				Giải phẫu bệnh											
			501.MD10.4.03.2	Phẫu thuật miệng đại cương	X	X	X		X			X			
				TLS Phẫu thuật miệng											
			501.MD10.4.04.3	Bệnh học miệng đại cương		X	X	X	X	X	X				
11		Nội, Ngoại bệnh lý và Chẩn đoán hình ảnh	501.MD11.4.01.2	Nội bệnh lý	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
			501.MD11.4.02.2	Ngoại bệnh lý		X									
			501.MD11.4.03.2	Chẩn đoán hình ảnh y học		X		X			X		X		
12		Sản, Nhi	501.MD12.4.01.2	Nhi khoa		X	X	X	X	X	X		X	X	
			501.MD12.4.02.2	Phụ Sản		X		X					X	X	
13		Thần kinh và Y học cổ truyền	501.MD13.4.01.2	Thần kinh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
			501.MD13.4.02.2	Y học cổ truyền		X		X		X			X		

14		Y học cộng đồng	501.MD14.4.01.3	Truyền thông giáo dục sức khỏe		X	X	X	X	X	X		X	X
	Tâm lý y học-Y đức													
	Dinh dưỡng VSATTP - Dân số học													
15		Bệnh học Răng	501.MD15.4.01.3	Mô học mô cứng của răng	X	X								
	Giải phẫu răng													
	TLS Vẽ và Điều khắc răng													
			501.MD15.4.02.3	Mô phòng chữa răng	X	X	X	X	X	X	X		X	
	TLS tạo xoang và phục hồi mô răng													
			501.MD15.4.03.3	Bệnh học mô cứng của răng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
16		Bệnh học Nha chu	501.MD16.4.01.4	Cấu trúc và sinh học mô nha chu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Bệnh học nha chu													
	Mô phòng điều trị nha chu													

				TLS Kiểm soát mảng bám										
			501.MD16.4.02.3	Điều trị bệnh nha chu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
17		Cơ sở Hàm mặt	501.MD17.4.01.4	Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa (Film ngoài miệng)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Mô phỏng phẫu thuật hàm mặt													
	Hàm mặt đại cương													
18		Bệnh học Miệng	501.MD18.4.01.3	Bệnh học miệng	X	X			X	X	X	X	X	
	501.MD18.4.02.4		Nha khoa cấy ghép	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
			Bệnh học phẫu thuật miệng											
19		Bệnh học Tủy răng	501.MD19.4.01.2	Chẩn đoán hình ảnh NK (Film trong miệng)	X	X	X	X	X	X				X
	TLS chụp phim trong miệng													
	501.MD19.4.02.4		Cấu trúc và sinh học tủy răng	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
			Mô phỏng điều trị nội nha											

				TLS nội nha										
				Bệnh học tủy răng										
20		Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô cứng	501.MD20.4.01.2	Cơ sở phục hình cố định		X	X							
	Phục hình cố định 1			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
	501.MD20.4.02.4		Phục hình cố định 2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
			TLS Phục hình cố định											
21		Bệnh học Cắn khớp	501.MD21.4.01.3	Cắn khớp cơ sở		X	X	X	X	X	X	X	X	X
	TLS cắn khớp													
	501.MD21.4.02.2		Loạn năng hệ thống nhai		X	X	X	X	X	X	X	X		
			TLS Loạn năng thái dương hàm											
	501.MD21.4.03.4		Cơ sở chỉnh hình răng mặt	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
			Bệnh học lệch lạc răng-mặt											

[illegible]

[illegible]

[illegible]

8. Kế hoạch đào tạo

[illegible]

15	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	2			X									
16	Cấu trúc và chức năng cơ thể người 3 (SL)	3			X									
17	Từ tế bào đến mô: Vi sinh y học	3			X									
18	Từ tế bào đến mô: Mô phôi y học	3			X									
19	Phát triển ngành nghề (Tính chuyên nghiệp, chăm sóc toàn diện, kỹ năng tư vấn-tham vấn, Lịch sử nha khoa)	3			X									
20	Cơ sở miệng 1 (GP ĐMC, phôi thai học RM)	2			X									
21	Y học cộng đồng	3			X									
22	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				X								
23	Từ tế bào đến mô: Ký sinh trùng y học	2				X								
24	Từ tế bào đến mô: Dược lý đại cương	3				X								
25	Từ tế bào đến mô: Miễn Dịch học, Giải phẫu bệnh	3				X								
26	Nội, Ngoại cơ sở, Điều dưỡng cơ bản 1 (ĐDCB)	2				X								
27	Nội, Ngoại cơ sở, Điều dưỡng cơ bản 1 (Nội)	2				X								
28	Nội, Ngoại cơ sở, Điều dưỡng cơ bản 1 (Ngoại)	2				X								

29	Cơ sở miệng 2 (Sinh học miệng 1, Sinh lý bệnh, Vi nấm y học, Giải phẫu bệnh)	3				X								
30	Cơ sở miệng 3 (Phẫu thuật miệng đại cương)	2					X							
31	Cơ sở miệng 4: (Bệnh học miệng đại cương)	3					X							
32	Chẩn đoán hình ảnh y học, Nội, Ngoại bệnh lý 1 (Nội BL)	2					X							
33	Chẩn đoán hình ảnh y học, Nội, Ngoại bệnh lý 2 (Ngoại BL)	2					X							
34	Thần kinh và Y học cổ truyền 2 (YHCT)	2					X							
35	Bệnh học răng 1 (Sự hình thành mô răng, Giải phẫu răng)	3					X							
36	Bệnh học nha chu 1 (Cấu trúc và sinh học mô nha chu, Bệnh học nha chu, Mô phỏng ĐT nha chu, TLS kiểm soát mảng bám)	4					X							
37	Chẩn đoán hình ảnh y học, Nội, Ngoại bệnh lý 3 (CDHA)	2						X						
38	Sản, Nhi 1 (Nhi khoa)	2						X						
39	Sản, Nhi 2 (Sân phụ khoa)	2						X						
40	Thần kinh và Y học cổ truyền 1 (Thần kinh)	2						X						
41	Bệnh học răng 2 (Mô phỏng chữa răng, TLS tạo xoang và phục hồi mô răng)	3						X						

42	Bệnh học răng 3 (Bệnh học mô cứng của răng)	3						X						
43	Bệnh học cắn khớp 1 (Cắn khớp cơ sở, TLS cắn khớp)	3							X					
44	Bệnh học miệng 1 (Bệnh học miệng)	3							X					
45	Bệnh học tủy răng 1 (CĐHA nha khoa, TLS chụp phim trong miệng)	4							X					
46	Bệnh học hàm mặt 2 (Gây mê hồi sức trong RHM)	2							X					
47	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 2 (TMH)	2							X					
48	Bệnh học tủy răng 2 (Cấu trúc và sinh học tủy răng, Mô phỏng ĐT nội nha, TLS nội nha, Bệnh học tủy răng)	2							X					
49	Bệnh học nha chu 2 (Điều trị bệnh nha chu)	3							X					
50	Bệnh học cắn khớp 2 (Loạn năng hệ thống nhai, TLS loạn năng thái dương hàm)	2								X				

51	Bệnh học căn khớp 3 (BH lệch lạc răng mặt, VLDC trong CHRM, TLS CHRM)	4								X				
52	Cơ sở hàm mặt 1 (CĐHA trong nha khoa, Dụng cụ và vật liệu phẫu thuật hàm mặt, mô phỏng phẫu thuật hàm mặt, Hàm mặt đại cương)	4								X				
53	Bệnh học miệng 2 (Nha khoa cấy ghép, Bệnh học phẫu thuật miệng)	4								X				
54	Bệnh học hàm mặt 3 (Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật hàm mặt (PTTH))	2								X				
55	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 1 (Mắt, Da liễu)	3								X				
56	Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô cứng 1 (Cơ sở phục hình cố định, Phục hình cố định 1)	2									X			
57	Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô cứng 2 (Phục hình cố định 2)	4									X			
58	Giáo dục liên ngành	2									X			
59	Dự án học thuật: Phương pháp nghiên cứu khoa học	2									X			
60	Bệnh học hàm mặt 1 (Bệnh học hàm mặt)	2									X			

[illegible]

9. Mô tả vắn tắt các học phần

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
1	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học	2	Giới thiệu cho sinh viên biết rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và quy định hành nghề Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt, chuẩn năng lực tối thiểu của Bộ Y tế, chuẩn năng lực đầu ra và lộ trình tích lũy, cấu trúc tổng quát chương trình đào tạo, phương pháp dạy/học và định hướng phát triển kỹ năng học tích cực.
2	Phát triển thể chất và ngoại ngữ cơ bản	101.DHF.1.00.7	Ngoại Ngữ CB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên hệ chính quy tại Đại học Huế.
3	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	15	Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: Chương 1, Trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, Trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Giúp cho người học; nhận thức được giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác-Lênin; trên cơ sở đó hiểu được nền tảng, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
		101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (PTSX TBCN) và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					xã hội ở Việt Nam hiện nay. Học phần bao gồm những kiến thức: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
		101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học		Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
		101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm: Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay); Kết luận: Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn của Đảng. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
		101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Học phần <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> cung cấp kiến thức hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh _ nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Với 6 chương, học phần trình bày các nội dung cốt lõi trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh như: độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, vai trò của Đảng, Nhà nước, đại đoàn kết, văn hóa, con người, và đạo đức cách mạng. Sinh viên sẽ phát triển tư duy lý luận, kỹ năng phân tích và khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, đồng thời rèn luyện ý thức trách nhiệm và tự hào dân tộc.
		501.MD03.1.06.2	Tiếng Anh chuyên ngành 1		Học phần Tiếng Anh Chuyên Ngành Răng Hàm Mặt 1 gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên, các hoạt động làm bài tập của sinh viên và sửa bài tập của giáo viên trên lớp - Nội dung chính của học phần gồm các chủ điểm cơ bản liên quan đến sức khỏe con người, các bộ phận trong cơ thể người nhân viên và cơ sở y tế, điều tra trong y tế... Các nội dung chính bao gồm: - Health and illness - Parts of the body - Functions of the body - Medical practitioners - Epidemiology - Data presentation - Hospitals - Primary care - Medical education - Infections - Basic investigations - Laboratory tests

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					- X- ray and CT
		501.MD03.1.07.2	Tiếng Anh chuyên ngành 2		Học phần Tiếng Anh Chuyên Ngành Răng Hàm Mặt 2 gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên, các hoạt động làm bài tập của sinh viên và sửa bài tập của giáo viên trên lớp. - Nội dung chính của học phần gồm các chủ điểm cơ bản liên quan đến sức khỏe con người, các bộ phận trong cơ thể người nhân viên và cơ sở y tế, điều tra trong y tế... Các nội dung chính bao gồm: - Blood - Symptoms and Signs - The Respiratory System - Taking a History 1 - Taking a History 2 - The Heart and Circulation 1 - Physical Examination - The Heart and Circulation 2 - Explaining Diagnosis and Management - Bones - The Skin 1 - The Skin 2 - Discussing Treatment - Giving Bad News - Case Presentations

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
4	Khoa học cơ bản	DHH-AI.01	Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	9	Học phần này thuộc Module 4: Khoa học Cơ bản, gồm 2 phần: - Phần 1: Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng. - Phần 2: Giới thiệu về y tế số, ứng dụng phần mềm trong quản lý và phân tích số liệu cơ bản trong nghiên cứu y sinh học Phần “Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng” cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về nền tảng công nghệ số và AI. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, và ứng dụng của công nghệ số và AI vào đời sống, học tập, nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp và những ứng dụng của AI trong y tế, chăm sóc sức khỏe và chuyên ngành Răng Hàm Mặt. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành với một số công cụ số và AI, khả năng phân tích, xử lý dữ liệu, sáng tạo nội dung, đồng thời rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường số hóa, bồi dưỡng ý thức về an toàn thông tin, đạo đức số, và tuân thủ pháp luật, giúp sinh viên hình thành ý thức sử dụng công nghệ một cách chủ động, văn minh, góp phần xây dựng cộng đồng số an toàn và bền vững. Phần “Giới thiệu về y tế số, ứng dụng phần mềm trong quản lý và phân tích số liệu cơ bản trong nghiên cứu y sinh học” sẽ giới thiệu về y tế số; nguồn số liệu y tế trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ý nghĩa của việc quản lý thông tin y tế từ thực hành đến nghiên cứu và thực hành phân tích số liệu cơ bản trong lĩnh vực khoa học sức khỏe bằng phần mềm thống kê chuyên dụng. Học phần Hóa học là môn học cơ sở thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản trong chương trình đào tạo bác sĩ Răng Hàm Mặt. Môn học đóng vai trò như một mắt xích quan trọng kết nối với nhiều môn học khác trong chương trình đào tạo như Sinh lý, Dược lý, Hóa sinh và
		501.MD04.2.03.2	Xác suất - Thống kê y học		
		501.MD04.2.02.2	Lý sinh		
		501.MD04.2.04.2	Hóa học		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					các học phần chuyên ngành Răng Hàm Mặt. Học phần Hóa học trong đào tạo Răng Hàm Mặt trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về các quy luật của sự vận động và biến đổi, cơ chế, tính chất, ứng dụng của một số chất liên quan đến y học nói chung và ngành Răng Hàm Mặt nói riêng. Từ đó, hình thành kỹ năng thực hành thí nghiệm cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức hóa học để giải thích, phân tích bản chất các hiện tượng trong dự phòng, điều trị sức khỏe răng hàm mặt. Thông qua đó, bồi dưỡng thái độ học tập nghiêm túc, trung thực, cần trọng; tinh thần trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu khoa học, tăng khả năng tư duy liên ngành, rất cần thiết trong môi trường y học hiện đại. Học phần Lý sinh trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý, định luật vật lý và các quá trình lý sinh diễn ra trong cơ thể con người, đặc biệt nhấn mạnh đến vùng răng-hàm-mặt. Nội dung trọng tâm bao gồm: cơ học vật rắn, vận chuyển vật chất trong sử dụng thuốc tê, điện sinh học, sóng cơ, quang học, vật lý nguyên tử - hạt nhân và các ứng dụng các lý thuyết đã nêu trong lĩnh vực răng-hàm-mặt. Học phần thuộc kiến thức cơ bản, học cùng các môn khoa học cơ bản như Hóa học, Sinh học và song hành với các môn như Mô phôi, Giải phẫu. Nó tạo nền tảng vật lý – lý sinh vững chắc để sinh viên tiếp thu hiệu quả các module khác như cơ sở miệng, bệnh học răng, bệnh học Nha chu. Kiến thức học phần này phục vụ cho các học phần phôi thai học răng miệng, phẫu thuật miệng đại cương, chẩn đoán hình ảnh y học, chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa... Học phần Xác suất – Thống kê y học trang bị cho sinh viên ngành Răng Hàm Mặt những kiến thức nền tảng về xác suất và thống kê ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh lý răng hàm mặt cũng như nghiên cứu khoa học về răng hàm mặt. Nội dung bao gồm một số

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					ứng dụng của xác suất trong chẩn đoán, các khái niệm cơ bản về biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích hồi quy và tương quan ứng dụng trong lĩnh vực Răng Hàm Mặt. Bên cạnh phần lý thuyết, học phần còn tập trung vào kỹ năng thực hiện suy luận thống kê với sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê (R, SPSS) cùng một số công cụ AI tạo sinh phổ biến, giúp sinh viên xử lý dữ liệu nghiên cứu về răng hàm mặt, phân tích kết quả thu được và rút ra kết luận khoa học. Trong chương trình đào tạo, học phần có vị trí quan trọng, hỗ trợ trực tiếp cho các môn như Phương pháp nghiên cứu khoa học, Dự án học thuật, là cơ sở để sinh viên phát triển tư duy dựa trên bằng chứng và ứng dụng các phương pháp phân tích xác suất, thống kê trong thực hành, chăm sóc sức khỏe răng hàm mặt cũng như nghiên cứu khoa học về răng hàm mặt.
5	Từ phân tử đến tế bào	501.MD05.3.01.2	Sinh học tế bào	8	Module 5 - Từ phân tử đến tế bào sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cấu trúc, chức năng và các quá trình hoạt động sống của tế bào; cấu tạo, chức năng và chuyển hóa các chất trong cơ thể, cơ chế hoạt động của enzyme, quá trình chuyển hóa năng lượng, các con đường chuyển hóa chủ yếu và ứng dụng của hóa sinh trên lâm sàng. Đồng thời, Module 5 sẽ cung cấp những vấn đề cơ bản nhất của di truyền được ứng dụng trong y học, bao gồm các kiến thức về gene, genome, bộ nhiễm sắc thể người, phương thức di truyền, các kỹ thuật di truyền cũng như cơ chế bệnh sinh của một số bệnh lý di truyền, đặc biệt là các bất thường liên quan vùng sọ mặt. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ ứng dụng, phân tích được các đặc điểm bất thường về cấu trúc, chức năng ở các mức độ gene, genome, nhiễm sắc thể, tế bào và quá trình chuyển hóa chất để chẩn đoán và theo dõi bệnh, phát hiện yếu tố nguy cơ và tư vấn phù hợp.
		501.MD05.3.02.3	Di truyền Y học		
		501.MD05.3.03.3	Hóa sinh		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					Về vị trí, đây là học phần cơ sở ngành bắt buộc, đóng vai trò then chốt trong khối kiến thức khoa học sự sống. Kiến thức từ học phần này là tiền đề và có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ trực tiếp cho việc tiếp thu các học phần chuyên sâu hơn
6	Cấu trúc và chức năng cơ thể người	501.MD06.3.01.3	Giải phẫu 1	8	Sau khi học xong module này sinh viên có được một số kiến thức cơ bản về cấu trúc giải phẫu, hoạt động chức năng sinh lý của cơ thể người. Sinh viên vận dụng được các kiến thức cơ bản đó để học tốt các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành trong qua trình học tập và thực hành nghề nghiệp bác sĩ Răng hàm mặt
		501.MD06.3.02.2	Giải phẫu 2		
		501.MD06.3.03.3	Sinh lý		
7	Từ tế bào đến mô	501.MD07.3.03.3	Mô phôi y học	14	Module này cung cấp kiến thức nền tảng về cấu trúc, chức năng và sự phát triển của cơ thể người từ mức độ tế bào, mô, cơ quan đến hệ thống, trong điều kiện bình thường và bệnh lý. Nội dung bao gồm các môn Mô – Phôi, Giải phẫu bệnh, Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng và Dược lý, giúp người học hiểu được mối liên hệ chặt chẽ giữa hình thái và chức năng, giữa vi mô và đại thể, giữa cơ chế sinh học và biểu hiện lâm sàng. Module trang bị khả năng nhận diện, phân tích đặc điểm mô học và bệnh học, nhận định các tác nhân vi sinh – ký sinh trùng thường gặp, hiểu cơ chế tác dụng của thuốc và ứng dụng dược lý cơ bản. Bên cạnh đó, module còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về hệ thống miễn dịch, các phương thức đáp ứng miễn dịch để loại bỏ vi sinh vật, vi nấm, ký sinh trùng...; cũng như các đặc tính và khả năng đề kháng của chúng nhằm chống trả và né tránh đáp ứng miễn dịch. Module còn cung cấp kiến thức cơ bản về các rối loạn của đáp ứng miễn dịch và cách sử dụng thuốc an toàn hợp lý và hiệu quả trong một số bệnh lý nhiễm trùng cũng như rối loạn miễn dịch. Ngoài ra, module còn rèn luyện kỹ năng thực hành, tư duy tích hợp, tinh thần kỷ luật và
		501.MD07.3.01.3	Vi sinh y học		
		501.MD07.3.02.2	Ký sinh trùng y học		
		501.MD07.3.05.3	Giải phẫu bệnh Miễn Dịch học		
		501.MD07.3.04.3	Dược lý		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					thái độ hợp tác trong môi trường học tập và nghiên cứu y học.
8	Phát triển ngành nghề	501.MD08.3.01.3	Tính chuyên nghiệp	3	Module Phát triển ngành nghề trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nền tảng về chăm sóc toàn diện và mô hình tâm - sinh lý - xã hội trong thăm khám bệnh nhân. Học phần đồng thời nhấn mạnh thực hành tính chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp và tham vấn, giúp sinh viên tiến hành hỏi bệnh và tiếp xúc với người bệnh thuận lợi trong bối cảnh lâm sàng. Bên cạnh đó, module còn góp phần hình thành kỹ năng làm việc nhóm với đồng nghiệp và nhân viên y tế, kỹ năng tự chăm sóc và phát triển bản thân, cũng như cung cấp những hiểu biết cơ bản về lịch sử phát triển ngành Răng Hàm Mặt ở Việt Nam và trên thế giới
			Chăm sóc toàn diện		
			Kỹ năng tư vấn, tham vấn		
			Lịch sử nha khoa		
9	Nội, Ngoại cơ sở và Điều dưỡng cơ bản	501.MD09.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	6	Học phần Điều dưỡng cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp nền tảng trong chăm sóc, theo dõi và hỗ trợ người bệnh trong môi trường y tế. Nội dung học phần tập trung vào các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản thường gặp trong thực hành lâm sàng, bao gồm theo dõi dấu hiệu sinh tồn, rửa tay – mặc áo – mang găng, tiêm – truyền dịch, thay băng – chăm sóc vết thương, thông tiểu, đặt và rửa sonde dạ dày, cũng như kỹ năng sơ cứu và cấp cứu ngừng tuần hoàn – hô hấp. Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ nghề nghiệp đúng đắn, kỹ năng phối hợp với đội ngũ điều dưỡng và bác sĩ trong chăm sóc người bệnh, đảm bảo an toàn, hiệu quả và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành kỹ thuật hình ảnh y học, đồng thời tạo nền tảng cho các học phần chuyên môn lâm sàng tiếp theo. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội khoa trong đánh nhận biết các triệu chứng và hội chứng quan trọng trong nội khoa; qua đó giải
		501.MD09.3.02.2	Nội cơ sở		
		501.MD09.3.03.2	Ngoại cơ sở		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					thích các vấn đề nội khoa ở người trưởng thành Module Ngoại cơ sở cung cấp kiến thức cơ bản về triệu chứng học ngoại khoa, bao gồm: cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hướng chẩn đoán đối với một số triệu chứng ngoại khoa thường gặp. Các triệu chứng thuộc các chuyên ngành: ngoại chấn thương, ngoại tiêu hóa, ngoại tiết niệu, ngoại lồng ngực – mạch máu và ngoại thần kinh. Module này giúp sinh viên hình thành tư duy lâm sàng ban đầu trong tiếp cận bệnh nhân ngoại khoa, rèn luyện kỹ năng khai thác triệu chứng, khám lâm sàng, chỉ định cận lâm sàng, định hướng chẩn đoán
10	Cơ sở Miệng	501.MD10.4.01.2	Phôi thai học răng miệng	10	Sau khi học xong module này sinh viên có nền tảng kiến thức vững chắc về y học cơ sở (Sinh lý bệnh, Vi nấm y học, Giải phẫu bệnh), cơ sở RHM (Phôi thai học răng miệng, Sinh học miệng, Giải phẫu Đầu mặt cổ), và bệnh học RHM (Phẫu thuật miệng đại cương, Bệnh học miệng đại cương) để ứng dụng trong thực hành RHM an toàn và hiệu quả. Module này sẽ là nền tảng cho các M18 (Bệnh học miệng) của năm thứ 4 và M30 (Thực hành nha khoa bệnh lý và phẫu thuật) năm thứ 6
			Giải phẫu Đầu mặt cổ		
		501.MD10.4.02.3	Sinh lý bệnh		
			Sinh học miệng 1		
			Vi nấm y học		
		501.MD10.4.03.2	Giải phẫu bệnh		
			Phẫu thuật miệng đại cương		
11	Nội, Ngoại bệnh lý và	501.MD10.4.04.3	TLS Phẫu thuật miệng	6	Module nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các bệnh lý nội khoa cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào đặc
			Bệnh học miệng đại cương		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
	Chẩn đoán hình ảnh	501.MD11.4.02.2	Ngoại bệnh lý		điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, điều trị, tiên lượng một số bệnh lý. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết đối với các bệnh lý nội khoa cơ bản. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán trong thực tiễn y khoa.
		501.MD11.4.03.2	Chẩn đoán hình ảnh y học		Module mô tả bệnh lý học của một số bệnh ngoại khoa bao gồm tần suất, sinh lý bệnh, triệu chứng, chẩn đoán, thái độ xử trí ... của một số bệnh ngoại khoa trong lĩnh vực tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực tim mạch, chấn thương chỉnh hình và thần kinh. Nội dung Module cũng nêu được chẩn đoán xác định và phân biệt các bệnh lý trên cũng như nêu một cách khái quát thái độ xử trí. Học phần này trang bị cho sinh viên RHM kiến thức và kỹ năng cơ bản đến nâng cao về chẩn đoán hình ảnh trong lĩnh vực vùng hàm mặt. Nội dung tập trung vào nguyên lý tạo ảnh, chỉ định và kỹ thuật của các phương pháp như X-quang quy ước, CT Cone Beam, siêu âm và các phương tiện hình ảnh khác, nhằm phục vụ chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị. Sinh viên sẽ được rèn luyện khả năng nhận diện, phân tích và diễn giải các hình ảnh bệnh lý thường gặp, kết hợp với dữ liệu lâm sàng để đưa ra đánh giá chính xác. Học phần giữ vị trí trọng tâm trong chương trình đào tạo Chẩn đoán hình ảnh RHM, giúp sinh viên hình thành nền tảng vững chắc về sử dụng và khai thác các phương tiện hình ảnh, đảm bảo công tác chẩn đoán và điều trị đạt hiệu quả, an toàn và phù hợp với thực tiễn lâm sàng

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
12	Sản, Nhi	501.MD12.4.01.2	Nhi khoa	4	Học phần cung cấp cho sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ 3 kiến thức nền tảng và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực sản phụ khoa liên quan thiết thực đến thực hành nha khoa, giúp sinh viên hiểu được mối liên quan giữa thai kỳ – sức khỏe răng miệng, biết khai thác thông tin, nhận diện nguy cơ, và phối hợp an toàn trong chăm sóc bệnh nhân nữ mang thai hoặc cho con bú trong thực hành Răng Hàm Mặt. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nhi khoa trong đánh giá quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ em, dinh dưỡng trẻ em, chương trình tiêm chủng ở trẻ em, chương trình xử trí lồng ghép chăm sóc các bệnh thường gặp ở trẻ; qua đó giải thích các vấn đề sức khỏe thường gặp ở trẻ em
		501.MD12.4.02.2	Phụ Sản		
13	Thần kinh và Y học cổ truyền	501.MD13.4.01.2	Thần kinh	4	Module nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các bệnh lý thần kinh cơ bản. Nội dung học phần tập trung vào đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, điều trị, tiên lượng một số bệnh lý thần kinh. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết đối với các bệnh lý thần kinh cơ bản. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, ngoại, sản và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán trong thực tiễn y khoa. Sau khi hoàn thành module này, sinh viên sẽ nắm vững những kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền, bao gồm lý luận cơ bản, châm cứu, các phương pháp điều trị không dùng thuốc và nguyên tắc chữa bệnh theo YHCT. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để thực hiện các kỹ năng cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo phương pháp Y học cổ truyền. Đồng thời, có thể áp dụng một số phương pháp chăm sóc sức khỏe để phòng và chữa một số bệnh lý
		501.MD13.4.02.2	Y học cổ truyền		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					răng hàm mặt (RHM) dựa trên nguyên lý của YHCT trong thực tiễn người bệnh và cộng đồng
14	Y học cộng đồng	501.MD14.4.01.3	Truyền thông giáo dục sức khỏe	3	Module 14: Y học cộng đồng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về truyền thông – giáo dục sức khỏe (TT-GDSK), hành vi sức khỏe, các nguyên tắc trong TT-GDSK, các phương pháp -phương tiện TT-GDSK, kỹ năng TT-GDSK và lập kế hoạch chương trình TT-GDSK; về tâm lý học, tâm lý y học và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành nha khoa; kiến thức toàn diện về khoa học dinh dưỡng tiết chế, là nền tảng thiết yếu trong thực hành y học dự phòng và lâm sàng nha khoa và dân số học trong sức khỏe cộng đồng. Module 14 cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung liên quan đến y học cộng đồng đáng quan tâm hiện nay tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực thực hành và ứng dụng các kiến thức, kỹ năng trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân
			Tâm lý y học-Y đức		
			Dinh dưỡng VSATTP - Dân số học		
15	Bệnh học Răng	501.MD15.4.01.3	Mô học mô cứng của răng	9	Module cung cấp kiến thức nền về cấu trúc – hình thái mô cứng của răng và kỹ năng thực hành cơ bản trong điều trị phục hồi răng. Sinh viên được tiếp cận toàn diện từ lý thuyết đến thao tác mô phỏng trong chữa răng, làm nền tảng cho học phần lâm sàng sau này. Nội dung bao gồm mô học và giải phẫu răng, thực hành điều khắc – vẽ răng, vận hành ghế máy, kiểm soát lây nhiễm, nhận biết dụng cụ và vật liệu nha khoa, thực hành tạo xoang – phục hồi mô răng trên mô hình, và phân tích bệnh học mô cứng răng. Module có vai trò kết nối kiến thức cấu trúc răng và các bệnh lý liên quan, hỗ trợ sinh viên ứng dụng trong điều trị Răng Hàm Mặt một cách an toàn, chính xác và hiệu quả
			Giải phẫu răng		
			TLS Vẽ và Điều khắc răng		
		501.MD15.4.02.3	Mô phỏng chữa răng		
			TLS tạo xoang và phục hồi mô răng		
		501.MD15.4.03.3	Bệnh học mô cứng của răng		
16	Bệnh học Nha chu	501.MD16.4.01.4	Cấu trúc và sinh học mô nha chu	7	Module 16 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nha chu dựa trên các kiến thức y học cơ bản và cơ sở (sinh học, giải phẫu, mô học,

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
			Bệnh học nha chu		vi sinh, dược lý). Đồng thời, trình bày và giải thích các kiến thức về bệnh lý nha chu nhằm giúp sinh viên đạt được kỹ năng về khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh nha chu. Hơn thế nữa, module 16 còn đưa ra những mối liên hệ giữa bệnh nha chu và các bệnh răng hàm mặt khác cũng như các bệnh toàn thân, giúp sinh viên hình thành được cái nhìn tổng quát về bệnh lý và đưa ra được kế hoạch điều trị toàn diện cho bệnh nhân. Module 16 đóng vai trò kiến thức nền tảng cho Module 29 (Thực hành nha khoa phục hồi tổng quát) và liên hệ chặt chẽ với các Module chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt.
			Mô phỏng điều trị nha chu		
			TLS Kiểm soát mảng bám		
		501.MD16.4.02.3	Điều trị bệnh nha chu		
17	Cơ sở Hàm mặt	501.MD17.4.01.4	Chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa (Film ngoài miệng)	4	Sau khi học xong module này sinh viên có nền tảng kiến thức vững chắc về cơ sở RHM (chẩn đoán hình ảnh trong nha khoa), các phương tiện và phương pháp phẫu thuật HM để ứng dụng trong thực hành RHM một cách an toàn và hiệu quả. Module này sẽ là nền tảng cho các M18 (Bệnh học miệng), M22 (Bệnh học hàm mặt) của năm thứ 4 và M30 (Thực hành nha khoa bệnh lý và phẫu thuật) năm thứ 6
			Mô phỏng phẫu thuật hàm mặt		
			Hàm mặt đại cương		
18	Bệnh học Miệng	501.MD18.4.01.3	Bệnh học miệng	7	Module Bệnh học miệng cung cấp cho sinh viên kiến thức toàn diện về các bệnh lý vùng miệng – hàm mặt, bao gồm u và nang do răng, bệnh lý tuyến nước bọt, viêm xương hàm, đau thần kinh V, tổn thương tiền ung thư và ung thư miệng. Sinh viên được trang bị kiến thức về

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
		501.MD18.4.02.4	Nha khoa cấy ghép		nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán lâm sàng – cận lâm sàng và các phương pháp điều trị, đồng thời nắm vững nguyên tắc, dụng cụ và kỹ thuật cơ bản trong nhổ răng, phẫu thuật phần mềm, mô xương, phẫu thuật u, nang cũng như cấy ghép nha khoa. Về kỹ năng, module rèn luyện kỹ năng khám, chẩn đoán, nhận biết bệnh lý thường gặp, thực hiện các kỹ thuật cơ bản và vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp điều trị phù hợp. Ngoài ra, module còn chú trọng phát triển năng lực làm việc độc lập, hợp tác nhóm, tuân thủ an toàn – vô khuẩn, tự đánh giá và học tập suốt đời nhằm nâng cao chất lượng thực hành lâm sàng và hiệu quả điều trị
			Bệnh học phẫu thuật miệng		
19	Bệnh học Tủy răng	501.MD19.4.01.2	Chẩn đoán hình ảnh NK (Film trong miệng)	6	Module 19 cung cấp kiến thức nền tảng về cấu trúc và sinh học tủy răng, hình thái học hệ thống ống tủy, nguyên lý chẩn đoán và điều trị bệnh lý tủy. Học phần bao gồm nội dung lý thuyết và thực hành về các kỹ thuật nội nha như che tủy, lấy tủy buồng, điều trị nội nha toàn phần, xử trí cấp cứu, phẫu thuật nội nha và tẩy trắng răng. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tiếp cận với các kiến thức cơ bản về chẩn đoán hình ảnh nha khoa, kỹ thuật chụp phim trong miệng và phân tích hình ảnh X-quang trong điều trị nội nha. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các module lâm sàng khác như: M23 (Bệnh học răng trẻ em), M29 (Thực hành phục hồi tổng quát), và M30 (Lâm sàng Răng trẻ em). Đây là học phần tiền đề giúp sinh viên phát triển kỹ năng lâm sàng, lý luận điều trị và ra quyết định dựa trên bằng chứng khoa học
			TLS chụp phim trong miệng		
		501.MD19.4.02.4	Cấu trúc và sinh học tủy răng		
			Mô phỏng điều trị nội nha		
			TLS nội nha		
			Bệnh học tủy răng		
20	Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô	501.MD20.4.01.2	Cơ sở phục hình cố định	6	Module 20 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở phục hình dựa trên các kiến thức y học cơ bản và cơ sở (sinh học, giải phẫu, cắn khớp, vật liệu...). Đồng thời, trình bày và giải thích các kiến thức về mất răng và phục hình cố định nhằm giúp sinh viên đạt được kỹ năng
			Phục hình cố định 1		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
	cứng	501.MD20.4.02.4	Phục hình cố định 2 TLS Phục hình cố định		về khám, chẩn đoán, điều trị bệnh nhân mất răng có chỉ định phục hình cố định. Bên cạnh đó, module 20 còn đưa ra những mối liên hệ giữa công việc của Bác sĩ và labo giúp sinh viên hình thành được cái nhìn tổng quát quy trình điều trị và đưa ra được kế hoạch điều trị toàn diện cho bệnh nhân mất răng có chỉ định làm phục hình cố định. Module 16 đóng vai trò kiến thức nền tảng cho Module 29 (Thực hành nha khoa phục hồi tổng quát) và liên hệ chặt chẽ với các Module chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt. Khám, chẩn đoán, chỉ định và lập kế hoạch điều trị phục hình cho các tổn thương mô cứng ở răng. Các yếu tố khớp cắn ảnh hưởng đến phục hình cố định. Kỹ thuật phục hình cố định thông thường trên lâm sàng
21	Bệnh học Cắn khớp	501.MD21.4.01.3	Cắn khớp cơ sở	9	Khóa học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về cơ sở và các bệnh lý hệ thống nhai, cũng như các kiến thức cơ bản về sự lệch lạc răng và mối liên quan giữa lệch lạc răng- mặt và các bệnh lý của hệ thống nhai, giúp sinh viên đạt được kỹ năng khám, chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lý của hệ thống nhai và lệch lạc răng-mặt
			TLS cắn khớp		
		501.MD21.4.02.2	Loạn năng hệ thống nhai		
			TLS Loạn năng thái dương hàm		
		501.MD21.4.03.4	Cơ sở chỉnh hình răng mặt		
			Bệnh học lệch lạc răng-mặt		
			TLS Chỉnh hình răng mặt		
22	Bệnh học Hàm mặt	501.MD22.4.01.2	Bệnh học hàm mặt	6	Sau khi học xong module này sinh viên có thể mô tả được những quy trình điều trị cơ bản về phẫu thuật Ngoại khoa và phẫu thuật tạo hình

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
		501.MD22.4.02.2	Gây mê hồi sức trong RHM		Hàm mặt. Sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách tiếp cận chẩn đoán và xử trí các bước cấp cứu ban đầu ở bệnh nhân ngừng tuần hoàn hô hấp; về những tính chất cơ bản và cách dùng của các thuốc mê, thuốc tê thường được sử dụng trong gây mê phẫu thuật răng hàm mặt để ứng dụng trong thực hành RHM một cách an toàn và hiệu quả. Module này sẽ là nền tảng cho M30 (Thực hành nha khoa bệnh lý và phẫu thuật) năm thứ 6
		501.MD22.4.03.2	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật hàm mặt		
23	Bệnh học Răng trẻ em	501.MD23.4.01.3	Giải phẫu và căn khớp răng trẻ em	3	Nội dung Module 23 gồm kiến thức cơ bản về giải phẫu răng sữa, sự thành lập và đặc điểm khớp cắn bộ răng sữa; sự phát triển thể chất vận động và tâm lý trẻ em, các bệnh lý thường gặp ở trẻ em. Từ đó hiểu được nguyên tắc khám, ứng xử với trẻ em, giúp chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị, cũng như điều trị các vấn đề răng miệng thường gặp, sử dụng các thuốc, dự phòng và duy trì sức khỏe răng miệng ở trẻ em. Module này là module nền tảng cho Module 28.2 (module tự chọn- Răng trẻ em) và Module 30 (Thực hành nha khoa bệnh lý và phẫu thuật-Lâm sàng Răng trẻ em). Bên cạnh đó, Module 23 còn có mối liên quan với module chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt.
			Bệnh học răng trẻ em		
24	Bệnh học mất răng	501.MD24.4.01.3	Cơ sở Phục hình tháo lắp	7	Học phần Bệnh học mất răng trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện về phục hình tháo lắp trong lĩnh vực nha khoa. Nội dung Module 24 gồm kiến thức cơ bản về các vật liệu dụng cụ dùng trong phục hình tháo lắp, căn khớp áp dụng trong phục hình tháo lắp và khám, chẩn đoán, chỉ định và lập kế hoạch điều trị tiền phục hình và phục hình cho bệnh nhân mất răng. Các yếu tố giải phẫu, sinh lý của người mất răng ảnh hưởng đến việc phục hình tháo lắp. Kỹ thuật phục hình tháo lắp thông thường trên lâm sàng; điều chỉnh và sửa chữa các thay đổi
			Phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa		
			TLS Phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
		501.MD24.4.02.4	Phục hình tháo lắp bán phần khung bộ		và hư hỏng sau phục hình tháo lắp. Module 24 đóng vai trò kiến thức nền tảng cho Module 29 (Thực hành nha khoa phục hồi tổng quát) và liên hệ chặt chẽ với các Module chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt.
			TLS Phục hình tháo lắp bán phần khung bộ		
			Phục hình tháo lắp toàn hàm		
			TLS Phục hình tháo lắp toàn hàm		
25	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần	501.MD25.4.01.3	Mắt	5	Module này bao gồm học phần Mắt và học phần Da liễu, học phần Tai Mũi Họng: Học phần Mắt cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các bệnh lý mắt thường gặp, kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán và trình bày được nguyên tắc điều trị các bệnh lý mắt thông thường. Sinh viên sau khi học xong có thể nắm được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý hay gặp ở mắt, chú ý vấn đề dự phòng, tư vấn cộng đồng. Ngoài kiến thức lý thuyết, học phần tập trung rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua các buổi thực hành để sinh viên được học cách chẩn đoán, xử trí các bệnh lý cấp cứu ở mắt: glôcôm, chấn thương, bỏng mắt...tư vấn chuyển tuyến kịp thời; phân loại nguyên nhân và xử trí ban đầu các bệnh đỏ mắt, các mức độ mờ mắt; phân biệt nguyên nhân mờ mắt có kèm hoặc không kèm đỏ mắt... Học phần Da liễu cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên ngành Da liễu làm nền tảng cho y học lâm sàng. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhận biết thương tổn da, chẩn đoán, điều trị và dự phòng
		501.MD25.4.02.2	Da liễu		
			TMH		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
					một số bệnh da liễu thường gặp, có liên quan gần đến chuyên ngành Răng hàm mặt. Đây là module bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành và được bố trí vào năm thứ 5 của chương trình đào tạo ngành Răng – Hàm – Mặt. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nâng cao về Tai Mũi Họng, tập trung vào: cấp cứu tai mũi họng, chẩn đoán tai mũi họng, bệnh lý tai mũi họng, khối u vùng đầu cổ, biến chứng tai mũi họng-xử trí. Sinh viên sẽ được học lý thuyết kết hợp với thảo luận tình huống lâm sàng, thực hành lâm sàng. Học phần giúp sinh viên nhận diện, chẩn đoán, xử trí và tư vấn các vấn đề tai mũi họng thường gặp, bao gồm những tình huống cấp cứu và bệnh lý phức tạp, chuẩn bị cho thực tập lâm sàng và hành nghề sau này.
26	Nha khoa cộng đồng	501.MD26.4.01.3	Nha khoa công cộng	6	Học phần Nha khoa cộng đồng trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện về y tế công cộng trong lĩnh vực nha khoa. Sinh viên sẽ nắm vững các chỉ số đánh giá sức khỏe răng miệng cộng đồng, phương pháp điều tra dịch tễ học các bệnh chính (sâu răng, nha chu, ung thư miệng). Đặc biệt, học phần chú trọng kỹ năng dự phòng và can thiệp cộng đồng thông qua các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng, nha học đường, và giáo dục sức khỏe. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vai trò của fluoride, chlorhexidine trong dự phòng, cùng các kỹ thuật như trám bít hố rãnh. Đây là học phần chuyên ngành cốt lõi thuộc khối "Kỹ năng ngành/chuyên ngành", thường được bố trí ở năm 4-5 sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn cơ sở và lâm sàng cơ bản. Học phần có mối liên hệ mật thiết với Dịch tễ học và các học phần bệnh học như bệnh học miệng, bệnh học tủy răng, bệnh học hàm mặt và bệnh học răng trẻ em, tạo nền tảng cho việc ứng dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn cộng đồng.
		501.MD26.4.03.3	Thực địa nha khoa công cộng (1 và 2)		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
27	Giáo dục liên ngành	501.MD27.4.01.2	Giáo dục liên ngành	2	Học phần Giáo dục liên ngành nhằm xây dựng môi trường học tập hợp tác cho sinh viên các ngành khác nhau cùng phối hợp làm việc nhóm. Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm kế cuối các ngành đào tạo đại học giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ về học tập liên ngành và hợp tác liên ngành trong chăm sóc người bệnh. Sinh viên cần vận dụng những kiến thức, kỹ năng và giá trị của ngành học của bản thân và hiểu rõ vai trò trách nhiệm của các ngành khác để hợp tác hiệu quả trong quá trình thực hành chăm sóc người bệnh, hướng đến tối ưu hóa hiệu quả chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm
28.1(Tự chọn)	Lão nha và pháp nha	501.MD28.5.01.3	Lão nha	3	Học phần Lão nha và Pháp nha cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết trong hai lĩnh vực đặc thù của Răng Hàm Mặt. Phần Lão nha tập trung vào các đặc điểm giải phẫu, sinh lý và những thay đổi liên quan đến quá trình lão hóa ở người cao tuổi, đồng thời giới thiệu các bệnh lý răng miệng thường gặp, phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng. Sinh viên được rèn luyện khả năng lập kế hoạch chăm sóc, tư vấn và hướng dẫn bệnh nhân tự duy trì sức khỏe răng miệng, cũng như nhận thức mối liên hệ mật thiết giữa sức khỏe răng miệng và sức khỏe toàn thân, từ đó hình thành thái độ phối hợp đa ngành trong chăm sóc người cao tuổi. Phần Pháp nha trang bị kiến thức về nguyên tắc pháp y cơ bản, tử thi học, giám định thương tích, vai trò của nha khoa trong nhận dạng cá nhân, ước tính tuổi và phân tích vết cắn. Sinh viên được hướng dẫn vận dụng dữ liệu lâm sàng và cận lâm sàng trong giám định, giải thích kết quả và tham gia báo cáo trong bối cảnh pháp luật. Học phần góp phần hình thành cho sinh viên năng lực thực hành an toàn, chính xác, có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn trong chăm sóc sức khỏe và giám định pháp y nha khoa.
			Pháp nha		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
28.2(Tự chọn)	Răng trẻ em và nha khoa hiện đại	501.MD28.5.02.3	Răng trẻ em	3	Module 28.2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng quản lý các bệnh lý và bất thường răng miệng ở trẻ em như sâu răng, chấn thương răng, khiếm khuyết mô cứng của răng, răng vĩnh viễn đang phát triển hoại tử tủy, bất thường thẳng môi – thẳng lưỡi và tật thở miệng. Ngoài ra, module 28.2 còn cung cấp kiến thức cho sinh viên các xu hướng mới trong nha khoa như trí tuệ nhân tạo, nha khoa kỹ thuật số, công nghệ tái tạo mô, vật liệu tiên tiến, laser nha khoa và chiến lược chăm sóc dựa trên dữ liệu. Module 28.2 đóng vai trò kiến thức nền tảng cho module 29 và module 30, đồng thời liên hệ chặt chẽ với các module chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt.
			Nha khoa hiện đại		
29	Thực hành Nha khoa phục hồi tổng quát	501.MD29.4.01.2	Lâm sàng Chữa răng-nội nha	7	Module 29 tích hợp bốn chuyên ngành nha khoa: Chữa răng – Nội nha, Nha chu, Phục hình tháo lắp và Phục hình cố định, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phối hợp trong chẩn đoán, lập kế hoạch và điều trị toàn diện cho bệnh nhân. Thông qua các tình huống lâm sàng, sinh viên được thực hành kết hợp nhiều kỹ thuật từ các lĩnh vực khác nhau để xử lý các vấn đề mất mô răng và mô nha chu, phục hồi chức năng ăn nhai và thẩm mỹ. Trong chương trình đào tạo, học phần này nằm ở giai đoạn lâm sàng nâng cao, đóng vai trò cầu nối giữa các học phần chuyên ngành riêng lẻ và thực hành điều trị tổng hợp. Học phần giúp sinh viên vận dụng hiệu quả kiến thức đã học ở các môn trước, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho Module 32 Tốt nghiệp vào cuối năm 6.
		501.MD29.4.02.2	Lâm sàng Nha chu		
		501.MD29.4.03.3	Lâm sàng Phục hình (cố định, khung bộ)		
			Lâm sàng Phục hình tháo lắp		
30	Thực hành Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật	501.MD30.4.01.4	Lâm sàng Phẫu thuật miệng	6	Sau khi học xong module này sinh viên có thể mô tả và thực hiện được những quy trình điều trị cơ bản về phẫu thuật Miệng, phẫu thuật Hàm mặt. Sinh viên có những kỹ năng cơ bản điều trị Răng trẻ em và Chính hình răng mặt, để ứng dụng trong thực hành RHM một cách an toàn
			Lâm sàng Bệnh học miệng		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
		501.MD30.4.02.2	Lâm sàng Răng trẻ em Lâm sàng Chỉnh hình răng mặt		và hiệu quả. Module này sẽ là nền tảng cho M32 (Tốt nghiệp) năm thứ 6.
31	Đề án học thuật	501.MD31.4.01.2	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	5	Module “Đề án học thuật” là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Module cung cấp các kiến thức và kỹ năng nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học, từ thực hành xác định ý tưởng, mục tiêu nghiên cứu, viết đề cương đến tổ chức thực hiện dự án và báo cáo đánh giá kết quả. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết trong việc hình thành ý tưởng, xây dựng và triển khai một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sức khỏe. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của nghiên cứu khoa học, các loại thiết kế nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu và ước tính cỡ mẫu, kỹ thuật thu thập và phân tích số liệu, cũng như các nguyên tắc viết báo cáo và công bố công trình nghiên cứu. Song song với phần lý thuyết, sinh viên được thực hành qua các hoạt động như xây dựng đề cương nghiên cứu, phân tích và diễn giải số liệu, viết báo cáo và phản biện đề cương theo nhóm. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy khoa học, khả năng làm việc nhóm, tính trung thực và đạo đức trong nghiên cứu, đồng thời tạo nền tảng cho việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai. Sinh viên sẽ trải nghiệm quy trình làm việc nhóm dưới sự gợi ý của giảng viên hướng dẫn, đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý đề tài nghiên cứu. Module có vai trò gắn kết giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho các học phần chuyên môn, thực hành lâm sàng và chuẩn bị cho khóa luận tốt nghiệp.
		501.MD31.4.02.3	Dự án học thuật		

Module	Tên Module	Mã học phần	Nội dung Module	ĐV TC	Mô tả học phần
32	Tốt nghiệp	501.MD32.4.01.3 501.MD32.4.02.2	Học phần tốt nghiệp - HP LT Bệnh lý và điều trị RHM - 3đvtc - HP TH Lâm sàng - 2đvtc	5	Module Tốt nghiệp (Đánh giá năng lực tốt nghiệp) là học phần cuối cùng trong chương trình đào tạo nha khoa, nhằm đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng và năng lực lâm sàng tích lũy trong suốt 6 năm học. Học phần bao gồm hai phần: Thi viết (Bệnh học và nguyên lý điều trị) đánh giá hiểu biết lý thuyết về bệnh lý răng hàm mặt và lập kế hoạch điều trị; và Thi lâm sàng (Năng lực điều trị tổng hợp, kiểm tra khả năng lâm sàng, tư duy chẩn đoán và thực hiện điều trị trên mô hình hoặc bệnh nhân tương tự). Học phần này đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp và có khả năng hành nghề độc lập. Module kế thừa và tích hợp kiến thức từ các module trong chuyên ngành như Nha cơ sở, Bệnh lý miệng, Nha chu, Phục hình, Chữa răng nội nha, Răng trẻ em, Chính nha, Phẫu thuật miệng, Phẫu thuật hàm mặt, Nha cộng đồng. Hoàn thành học phần là điều kiện tiên quyết để được công nhận tốt nghiệp và đăng ký hành nghề hoặc học sau đại học.
	TỔNG CỘNG			202	

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

STT	HỌ VÀ TÊN	BỘ MÔN
1	Phan Thị Thanh Hương	BM CDHA
2	Trần Thị Sông Hương	BM CDHA
3	Hà Thị Hiền	BM CDHA
4	Hoàng Thị Ngọc Hà	BM CDHA
5	Lê Minh Tuấn	BM CDHA
6	Nguyễn Công Quỳnh	BM CDHA
7	Lê Văn Ngọc Cường	BM CDHA
8	Lê Trọng Bình	BM CDHA
9	Ngô Đắc Hồng Ân	BM CDHA
10	Trần Hồng Phương Dung	BM CDHA
11	Văn Nữ Thùy Linh	BM CDHA
12	Hoàng Trung Hiếu	BM CDHA
13	Đặng Cẩm Nhung	BM CDHA
14	Nguyễn Thanh Thảo	BM CDHA
15	Võ Tường Thảo Vy	BM Da liễu
16	Mai Bá Hoàng Anh	BM Da liễu
17	Nguyễn Thị Trà My	BM Da liễu
18	Lê Tuấn Linh	BM DTYH
19	Hà Thị Minh Thi	BM DTYH
20	Đoàn Thị Duyên Anh	BM DTYH
21	Lê Phan Tường Quỳnh	BM DTYH
22	Trần Văn Hòa	BM Dược lý
23	Lê Chuyên	BM Dược lý
24	Nguyễn Thành Tín	BM Dược lý
25	Lê Thị Hồng Vân	BM Dược lý
26	Nguyễn Lê Hồng Vân	BM Dược lý
27	Đỗ Thị Hồng Diệp	BM Dược lý
28	Trần Vũ Huấn	BM GMHS-CC
29	Võ Việt Hà	BM GMHS-CC
30	Trần Xuân Thịnh	BM GMHS-CC
31	Bùi Thị Thuý Nga	BM GMHS-CC
32	Lê Văn Long	BM GMHS-CC
33	Phan Thắng	BM GMHS-CC
34	Nguyễn Khánh Huy	BM GMHS-CC
35	Bùi Thị Thương	BM GMHS-CC
36	Trần Thị Thu Lành	BM GMHS-CC
37	Phạm Thị Minh Thư	BM GMHS-CC
38	Nguyễn Văn Minh	BM GMHS-CC
39	Lê Văn Tâm	BM GMHS-CC
40	Nguyễn Bá Lưu	BM GP-PTTH
41	Nguyễn Trường An	BM GP-PTTH
42	Nguyễn Thành Phúc	BM GP-PTTH

43	Đặng Lê Hoàng Nam	BM GP-PTTH
44	Nguyễn Hoàng	BM GP-PTTH
45	Nguyễn Đình Sơn	BM GP-PTTH
46	Nguyễn Hữu Trí	BM GP-PTTH
47	Nguyễn Thị Hồng Thủy	BM Hóa sinh
48	Phạm Thăng Long	BM Hóa sinh
49	Nguyễn Minh Quang	BM Hóa sinh
50	Hoàng Thị Thu Hương	BM Hóa sinh
51	Phù Thị Hoa	BM Hóa sinh
52	Phan Thị Minh Tâm	BM Hóa sinh
53	Trần Thị Tiên Xinh	BM Hóa sinh
54	Ngô Thị Minh Châu	BM KST
55	Lê Chí Cao	BM KST
56	Tôn Nữ Phương Anh	BM KST
57	Lê Viết Nhật Hưng	BM Mắt
58	Phan Văn Năm	BM Mắt
59	Đỗ Long	BM Mắt
60	Trần Nguyễn Trà My	BM Mắt
61	Lê Đăng Võ	BM MDSLБ
62	Nguyễn Thị Huyền	BM MDSLБ
63	Lê Bá Hứa	BM MDSLБ
64	Phan Thị Minh Phương	BM MDSLБ
65	Phan Thị Hằng Giang	BM MDSLБ
66	Trần Thanh Loan	BM MDSLБ
67	Phan Ngọc Đan Thanh	BM MDSLБ
68	Nguyễn Văn Mão	BM MP-GPB&PY
69	Đặng Công Thuận	BM MP-GPB&PY
70	Nguyễn Phạm Phước Toàn	BM MP-GPB&PY
71	Nguyễn Trần Bảo Song	BM MP-GPB&PY
72	Nguyễn Phương Thảo Tiên	BM MP-GPB&PY
73	Nguyễn Thị Thùy Uyên	BM MP-GPB&PY
74	Võ Thị Hạnh Thảo	BM MP-GPB&PY
75	Trần Thị Nam Phương	BM MP-GPB&PY
76	Lê Thị Thu Thảo	BM MP-GPB&PY
77	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
78	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
79	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
80	Hoàng Viết Thắng	BM Nội
81	Hoàng Khánh	BM Nội
82	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
83	Văn Thị Minh An	BM Nội
84	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
85	Võ Tam	BM Nội
86	Trần Văn Huy	BM Nội

87	Lê Văn Chi	BM Nội
88	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
89	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
90	Trương Xuân Long	BM Nội
91	Nguyễn Duy Dẫn	BM Nội
92	Phạm Minh Trãi	BM Nội
93	Lê Phước Hoàng	BM Nội
94	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
95	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
96	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội
97	Trần Duy Khiêm	BM Nội
98	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
99	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
100	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
101	Đoàn Thị Thiện Hào	BM Nội
102	Trần Thị Kim Anh	BM Nội
103	Võ Thị Hoài Hương	BM Nội
104	Phan Thị Thùy Vân	BM Nội
105	Hoàng Ngọc Diệu Trâm	BM Nội
106	Nguyễn Thị Ý Nhi	BM Nội
107	Trần Thanh Tùng	BM Nội
108	Lương Việt Thắng	BM Nội
109	Trần Đức Hoàng	BM Ngoại
110	Nguyễn Minh Thảo	BM Ngoại
111	Lê Hồng Phúc	BM Ngoại
112	Lê Quang Thử	BM Ngoại
113	Lê Nghi Thành Nhân	BM Ngoại
114	Phạm Anh Vũ	BM Ngoại
115	Nguyễn Thanh Minh	BM Ngoại
116	Lê Đình Dạm	BM Ngoại
117	Nguyễn Đoàn Văn Phú	BM Ngoại
118	Phạm Minh Đức	BM Ngoại
119	Nguyễn Nhật Minh	BM Ngoại
120	Đặng Như Thành	BM Ngoại
121	Hoàng Đình Anh Hào	BM Ngoại
122	Nguyễn Xuân Mỹ	BM Ngoại
123	Trần Nhật Tiến	BM Ngoại
124	Trần Hữu Dũng	BM Ngoại
125	Phan Đình Tuấn Dũng	BM Ngoại
126	Hoàng Thị Thủy Yên	BM Nhi
127	Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	BM Nhi
128	Võ Thị Thu Thủy	BM Nhi
129	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
130	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi

131	Phan Hùng Việt	BM Nhi
132	Bùi Bình Bảo Sơn	BM Nhi
133	Trần Vĩnh Phú	BM Nhi
134	Nguyễn Thị Cự	BM Nhi
135	Tôn Nữ Vân Anh	BM Nhi
136	Nguyễn Phúc Thu Trang	BM Nhi
137	Hồ Lý Minh Tiên	BM Nhi
138	Lê Thy Phương Anh	BM Nhi
139	Phạm Võ Phương Thảo	BM Nhi
140	Trương Thị Na	BM Nhi
141	Lê Bình Phương Nguyên	BM Nhi
142	Đặng Thị Thu Hằng	BM Nhi
143	Nguyễn Linh Giang	BM Nhi
144	Nguyễn Hữu Châu Đức	BM Nhi
145	Phạm Thị Thạch Thảo	BM Phụ Sản
146	Hoàng Thế Hiệp	BM Phụ Sản
147	Võ Văn Đức	BM Phụ Sản
148	Trần Doãn Tú	BM Phụ Sản
149	Lê Lam Hương	BM Phụ Sản
150	Cao Ngọc Thành	BM Phụ Sản
151	Trương Quang Vinh	BM Phụ Sản
152	Nguyễn Vũ Quốc Huy	BM Phụ Sản
153	Lê Minh Tâm	BM Phụ Sản
154	Võ Văn Khoa	BM Phụ Sản
155	Nguyễn Đắc Nguyên	BM Phụ Sản
156	Hồ Trần Tuấn Hùng	BM Phụ Sản
157	Võ Hoàng Lâm	BM Phụ Sản
158	Nguyễn Thị Kim Anh	BM Phụ Sản
159	Trương Thị Linh Giang	BM Phụ Sản
160	Trần Thị Ngọc Bích	BM Phụ Sản
161	Nguyễn Tuyết Trinh	BM Phụ Sản
162	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
163	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
164	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý
165	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
166	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
167	Lê Thanh Thái	BM TMH
168	Võ Đoàn Minh Nhật	BM TMH
169	Đặng Thanh	BM TMH
170	Nguyễn Nguyễn	BM TMH
171	Hoàng Phước Minh	BM TMH
172	Phan Hữu Ngọc Minh	BM TMH
173	Hồ Minh Trí	BM TMH
174	Dương Thị Mỹ	BM TMH

175	Trần Đình Bình	BM Vi sinh
176	Lê Văn An	BM Vi sinh
177	Ngô Viết Quỳnh Trâm	BM Vi sinh
178	Lê Thị Bảo Chi	BM Vi sinh
179	Nguyễn Thị Châu Anh	BM Vi sinh
180	Nguyễn Thị Khánh Linh	BM Vi sinh
181	Hồ Anh Hiến	BM Y học gia đình
182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	BM Y học gia đình
183	Võ Đức Toàn	BM YHGD
184	Trần Nam Đông	Bộ môn GPB-PY
185	Trần Thuý Hiền	Khoa Cơ Bản
186	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ Bản
187	Đặng Thị Ngọc Hoa	Khoa Cơ Bản
188	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ Bản
189	Hoàng Thanh Hải	Khoa Cơ Bản
190	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ Bản
191	Huỳnh Minh Sơn	Khoa Cơ Bản
192	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ Bản
193	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ Bản
194	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ Bản
195	Nguyễn Thị Hồng Nga	Khoa Cơ Bản
196	Nguyễn Trường Sơn	Khoa Điều Dưỡng
197	Hồ Duy Bính	Khoa Điều Dưỡng
198	Võ Thanh Tôn	Khoa Điều Dưỡng
199	Mai Bá Hải	Khoa Điều Dưỡng
200	Đào Nguyễn Diệu Trang	Khoa Điều Dưỡng
201	Dương Thị Ngọc Lan	Khoa Điều Dưỡng
202	Hồ Thị Thùy Trang	Khoa Điều Dưỡng
203	Tôn Nữ Minh Đức	Khoa Điều Dưỡng
204	Trần Thị Nguyệt	Khoa Điều Dưỡng
205	Đặng Thị Thanh Phúc	Khoa Điều Dưỡng
206	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Khoa Điều Dưỡng
207	Võ Thị Nhi	Khoa Điều Dưỡng
208	Phạm Thị Thúy Vũ	Khoa Điều Dưỡng
209	Hoàng Vũ Minh	Khoa RHM
210	Lê Thị Thu Nga	Khoa RHM
211	Nguyễn Toại	Khoa RHM
212	Trần Tấn Tài	Khoa RHM
213	Lê Đức Thịnh	Khoa RHM
214	Nguyễn Văn Minh	Khoa RHM
215	Trần Xuân Phương	Khoa RHM
216	Trần Thiện Mẫn	Khoa RHM
217	Hoàng Minh Phương	Khoa RHM
218	Đặng Minh Huy	Khoa RHM

219	Lê Văn Nhật Thắng	Khoa RHM
220	Võ Khắc Tráng	Khoa RHM
221	Cung Thiện Hải	Khoa RHM
222	Nguyễn Thanh Minh	Khoa RHM
223	Phạm Nữ Như Ý	Khoa RHM
224	Hoàng Anh Đào	Khoa RHM
225	Phan Anh Chi	Khoa RHM
226	Nguyễn Ngọc Tâm Đan	Khoa RHM
227	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Khoa RHM
228	Nguyễn Thị Thùy Dương	Khoa RHM
229	Châu Ngọc Phương Thanh	Khoa RHM
230	Lê Thị Quỳnh Thư	Khoa RHM
231	Lê Hà Thùy Nhung	Khoa RHM
232	Lê Nguyễn Thùy Dương	Khoa RHM
233	Trần Thị Huyền Phương	Khoa RHM
234	Nguyễn Thị Nhật Vy	Khoa RHM
235	Nguyễn Gia Kiều Ngân	Khoa RHM
236	Nguyễn Đức Quỳnh Trang	Khoa RHM
237	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa RHM
238	Nguyễn Lê Minh Trang	Khoa RHM
239	Hồ Xuân Anh Ngọc	Khoa RHM
240	Đỗ Phan Quỳnh Mai	Khoa RHM
241	Nguyễn Thị Hải Trinh	Khoa RHM
242	Trần Thị Tố Uyên	Khoa RHM
243	Trần Thị Quỳnh Như	Khoa RHM
244	Lê Mỹ Hương	Khoa RHM
245	Lê Thị Khánh Huyền	Khoa RHM
246	Đoàn Văn Minh	Khoa YHCT
247	Nguyễn Ngọc Lê	Khoa YHCT
248	Đoàn Thị Nhật Lệ	Khoa YHCT
249	Nguyễn Quang Tâm	Khoa YHCT
250	Nguyễn Thiện Phước	Khoa YHCT
251	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa YHCT
252	Nguyễn Văn Hưng	Khoa YHCT
253	Nguyễn Thị Hương Lam	Khoa YHCT
254	Lê Thị Thu Thảo	Khoa YHCT
255	Lê Thị Minh Thảo	Khoa YHCT
256	Nguyễn Văn Hùng	Khoa YTCC
257	Nguyễn Thị Hường	Khoa YTCC
258	Trần Bình Thắng	Khoa YTCC
259	Trần Thị Táo	Khoa YTCC
260	Trần Thị Mai Liên	Khoa YTCC
261	Võ Văn Thắng	Khoa YTCC
262	Lê Đình Dương	Khoa YTCC

263	Trần Đại Tri Hân	Khoa YTCC
264	Trần Xuân Minh Trí	Khoa YTCC
265	Đặng Cao Khoa	Khoa YTCC
266	Võ Minh Hoàng	Khoa YTCC
267	Đoàn Vương Diễm Khánh	Khoa YTCC
268	Hoàng Thị Bạch Yến	Khoa YTCC
269	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Khoa YTCC
270	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Khoa YTCC
271	Võ Nữ Hồng Đức	Khoa YTCC
272	Bùi Thị Phương Anh	Khoa YTCC
273	Nguyễn Thị Đăng Thư	Khoa YTCC